

Nghề thuốc nam trong đời sống tâm linh của người Thái ở miền núi Thanh Hóa

VŨ TRƯỜNG GIANG*

Tri thức bản địa về y học của người Thái ở Việt Nam nói chung và người Thái ở miền núi Thanh Hóa nói riêng rất phong phú và đa dạng. Điều này được thể hiện trên các lĩnh vực: quan niệm về ốm đau, bệnh tật; về nghề thuốc, truyền nghề và thờ tổ sư nghề; phòng bệnh, chữa bệnh bằng thuốc nam; ăn uống dưới góc độ dưỡng sinh và chữa bệnh; phòng bệnh và chữa bệnh bằng nghi lễ; kết hợp chữa bệnh bằng thuốc với chữa bệnh bằng nghi lễ, v.v...

Trong bài viết này, tôi trình bày vấn đề “*Nghề thuốc nam trong đời sống tâm linh của người Thái ở miền núi Thanh Hóa*” với những nội dung sau:

1. Quan niệm về ốm đau và bệnh tật⁽¹⁾

Con người bị ốm đau bệnh tật là vì một lí do nào đó mà thiếu một số vía hoặc do phi gây ra.

Tiếng Việt gọi là “vía”; tiếng Thái (nhóm tự nhận là Tày Dọ) gọi là “bản”; tiếng Thái (nhóm tự nhận là Tày) gọi là “khoản”. Theo quan niệm của người Thái, đây là một dạng phi vật thể, nhưng là thể sống của con người. Nếu không có vía thì sự sống không tồn tại, thể xác con người lúc ấy chỉ thuần túy là vật thể vô tri. Mỗi người có 80 “bản” (hay khoản) khác nhau:

“Xăm xip khoản tang na

Hả xip khoản tang lung”.

(Ba mươi vía trước mặt

Năm mươi vía sau lưng)

Ứng với các cơ quan, bộ phận trên cơ thể đều có “bản” (hay khoản) và có chức năng riêng, thí dụ: vía mắt (khoản tá), vía tai (khoản hụ), vía mũi (khoản lảng), vía mồm (khoản xốp), vía trên đỉnh đầu (khoản húa). Vía trên đỉnh đầu là quan trọng nhất, có tính chất quyết định cuộc sống của con người. Nếu mất vía này thì con người sẽ chết. Đặc điểm của khoản là thường rời bỏ cơ thể để đi chơi (nhất là khoản của trẻ con). Nếu như khoản của các bộ phận bỏ đi chơi, hoặc bị ma làm hại bắt đi thì bộ phận tương ứng của cơ thể bị đau, còn nếu khoản húa không gọi được trở về thì chủ khoản sẽ chết. Như vậy khoản là nguyên do chính để gây ra cho chủ khoản sự ốm đau, thậm chí cả cái chết.

- Phi, trong tiếng Thái là một khái niệm rộng, bao gồm: thần linh, tổ tiên, ma, v.v... Cũng như xã hội loài người, trong thế giới phi có nhiều đẳng cấp và cũng rất thiên hình vạn trạng. Tương ứng

*. Thạc sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I.

1. Người Thái ở miền núi Thanh Hóa quan niệm có nhiều nguyên nhân dẫn đến ốm đau và bệnh tật, ở đây tôi chỉ đề cập tới quan niệm liên quan đến đời sống tâm linh. Tôi sẽ trình bày đầy đủ các nguyên nhân gây bệnh một cách hệ thống hơn trong một công trình nghiên cứu khác.

với tổ chức gia đình có phi hươu, tương ứng với bản có phi bản, tương ứng với mừng có phi mừng. Quan trọng nhất là “phi xuân” (phi chủ mừng). Nhìn chung, phi mừng bảo hộ cho toàn thể cộng đồng mừng, phi bản bảo hộ cho cộng đồng bản và phi hươu bảo hộ cho các thành viên trong mỗi gia đình. Và cho dù các loại phi này là các phi tốt, các loại phi bảo hộ cho cộng đồng, luôn làm điều tốt, nhưng nếu con cháu, hoặc là một thân dân nào đó làm xúc phạm đến phi thì các phi sẵn sàng trừng phạt, mức độ nhẹ là làm cho đau ốm, còn ở mức độ nặng là gây nên các nạn dịch, bệnh lớn cho toàn thể cộng đồng dân cư.

Trong tự nhiên cũng có rất nhiều loại phi và các loại phi này rất hay quấy nhiễu cuộc sống của con người. Phi pa (ma rừng) hay làm hại người đi rừng, phi nậm, phi huội (ma sông, ma suối) hay làm hại người đi tắm, ở nghĩa địa có phi pa heo, tại một số nơi khác còn có phi khuông (ma giữ cửa), ai nhờ xâm phạm đến lãnh địa của chúng như cày, cuốc, chặt cây, v.v... nếu không được phép của chúng đều bị làm hại.

Nguyên tắc để làm hại là các phi tác động vào các khoán. Khoán ở bộ phận nào bị tác hại thì bộ phận đó của cơ thể bị đau, còn nếu “khoán húa” bị làm hại có thể nguy hiểm đến tính mạng. Và cho dù là khoán chính hay khoán bộ phận bị phi tác hại nếu không kịp thời cứu chữa đều có thể dẫn đến cái chết cho những người có khoán bị tác hại⁽²⁾.

2. Quan niệm về nghề thuốc và truyền nghề

2.1. Về nghề thuốc

- *Y đức*: Đạo đức của người thầy.

Người Thái ở miền núi Thanh Hóa (và có lẽ tất cả các tộc người trên thế giới) cho rằng điều quan trọng nhất đối với người thầy thuốc là cái tâm trong sáng, đạo đức tốt, có lòng nhân hậu, yêu thương và quý trọng con người. Người thầy thuốc phải

luôn đặt sinh mạng của người bệnh lên trên mọi mục đích khác. Hơn nữa, còn có quan niệm cho rằng hiệu quả của thuốc có phát huy tác dụng hay không, phát huy nhiều hay ít còn phụ thuộc vào sự “mát tay” và cái đức của thầy thuốc. Một người thầy thuốc dù giỏi và biết nhiều bài thuốc hay nhưng nếu thiếu đạo đức thì cũng không thể trở thành thầy thuốc chân chính, không nhận được sự kính trọng của đồng nghiệp và cộng đồng.

Mối quan hệ giữa thầy thuốc với người bệnh là mối quan hệ giữa bên “cho” và bên “nhận”. “Người cho” là người biết nhiều, hiểu rộng về bệnh tật, có quyền năng chuyên môn ra quyết định để chẩn đoán điều trị cho người bệnh. “Người nhận” là bệnh nhân và gia đình của họ phần lớn đều không hiểu rõ bệnh tật, sức khỏe mình ra sao, không có khả năng lựa chọn phương pháp đoán bệnh vào chữa bệnh tối ưu nhất, đỡ tốn kém nhất cho mình. Họ chỉ còn cách trông chờ vào sự trung thực vào tài năng của thầy thuốc. Họ gửi gắm hi vọng vào sự sống chết của mình cho thầy thuốc. Trên thực tế có thể xem y đức là một nửa con người thầy thuốc, còn năng lực và kỹ năng chuyên môn là nửa kia của con người đó. Đúng như Hải Thượng Lãn Ông đã từng dạy: “Đạo làm thuốc là một nhân thuật, chuyên bảo vệ sinh mạng con người. Phải lo cái lo của người, vui cái vui của người, chỉ lấy việc cứu sống người bệnh làm nhiệm vụ của mình, không nên cầu lợi, kể công, tuy không có sự báo ứng ngay, nhưng để lại ân đức về sau...”⁽³⁾.

- *Y thuật*: phương châm, phương pháp chữa bệnh.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh là phương châm tốt nhất, đơn giản nhất, ít tốn kém

2. Người Thái ở Tây Bắc cũng có quan niệm tương tự. Xem thêm: Nguyễn Duy Thiệu: “Các cách chữa bệnh theo truyền thống trong cộng đồng người Thái ở vùng Tây Bắc”, in trong: “Giữ gìn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc Tây Bắc”, Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2001, tr 72 - 86.

nhất đối với mỗi con người và cộng đồng. Việc phòng bệnh được thể hiện trên các lĩnh vực: ăn, uống những thức ăn có tác dụng chữa bệnh, ăn uống đảm bảo vệ sinh và đủ lượng dinh dưỡng, môi trường sống trong lành, vệ sinh thân thể tốt... Hơn nữa, cần phải điều độ trong ăn uống, lao động, nghỉ ngơi, vui chơi và thân ái, vui vẻ với mọi người.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh còn được thể hiện qua việc kiêng kị và những nghi lễ phòng và chữa bệnh cho cá nhân và cộng đồng. Với quan niệm sức khoẻ của con người có được một phần là do tổ tiên phù hộ; con người đau ốm một phần là do bị ma làm hại, hoặc vì một lí do nào đó mà vía rời khỏi cơ thể, nên việc phòng bệnh còn phải thông qua các nghi lễ thờ cúng và công việc này do các thầy cúng đảm nhiệm.

Y thuật của người thầy thuốc được thể hiện ở việc hiểu biết nhiều về hình dáng cây thuốc, cách bào chế, bảo quản, công dụng của từng cây thuốc và việc kết hợp nhiều vị thuốc cho một bài thuốc. Y thuật còn là việc khám như hỏi kĩ bệnh nhân về thời gian bị bệnh, vị trí bệnh, mức độ đau, quan sát người bệnh và khám trực tiếp bằng tay. Trên cơ sở đó thầy thuốc sẽ chẩn đoán về bệnh và đưa ra phương pháp điều trị cụ thể, thích hợp.

2.2. Truyền nghề và thờ tổ sư nghề

- Truyền nghề

Hầu hết người dân Thái ở tuổi trưởng thành đều biết sử dụng một vài bài thuốc nam trong việc phòng và chữa một số bệnh thường gặp như cảm cúm, cầm máu vết thương, đau bụng ỉa chảy, lông sâu bám vào da, v.v... Còn các bệnh phức tạp và nặng hơn, cần những bài thuốc "tổng hợp" và khó hơn thì chỉ một số ít những người làm nghề thầy thuốc mới biết được.

Phương thức truyền nghề đối với các bài thuốc thông thường rất đơn giản, chủ yếu thông qua truyền miệng với những ứng dụng hàng ngày trong cuộc sống. Nếu

một người nào đó bị bệnh thì sẽ được người thân trong gia đình hoặc hàng xóm chữa trị giúp, họ sẽ hướng dẫn từ cách nhận biết cây thuốc, cách thu hái, chế biến, tỉ lệ kết hợp các vị thuốc, những kiêng kị (nếu có), v.v... Hoặc những người phụ nữ đã từng mang thai và nuôi dạy con nhỏ sẽ truyền lại kinh nghiệm cho những người mang thai và nuôi con lần đầu.

Đối với những người làm nghề thầy thuốc "chuyên nghiệp" thì không nhất thiết truyền nghề cho con đẻ, mà có thể truyền cho người ngoài gia đình, dòng họ; có thể truyền nghề cho cả đàn ông và đàn bà. Người thầy sẽ đánh giá đạo đức và khả năng tiếp thu kiến thức của người xin học nghề. Thích hợp nhất với việc làm nghề thuốc là những người hiền lành, tính điềm đạm, kiên trì, nhẫn nại, cần thận, ham học hỏi. Tuy nhiên, không phải cứ có những đức tính ấy và được thầy truyền nghề là trở thành thầy thuốc. Theo quan niệm của người Thái, việc học được nghề hay không còn phụ thuộc vào "cái duyên", và việc bốc thuốc trị bệnh đạt kết quả hay không lại phụ thuộc "tay mát" hay "tay nóng". Cùng chữa một loại bệnh, cùng sử dụng một loại thuốc nhưng chỉ người "mát tay" thì bốc thuốc mới hiệu quả, còn người "nóng tay" sẽ bốc thuốc không hiệu quả!

Khi thầy truyền nghề cho người ngoài gia tộc thì người đó phải sắm lễ để cúng tổ sư nghề thuốc xin chớ được học nghề. Lễ vật gồm 1 chai rượu, 1 con gà, trâu cau. Sau khi học xong họ có thể bốc thuốc chữa bệnh nhưng phải thờ cúng tổ sư nghề thuốc.

- Thờ tổ sư nghề

Người Thái gọi thờ cúng tổ tiên là "xén phi hươn", tổ tiên là những người đã sinh ra những người đang sống, mà linh hồn đang ở cùng con cháu, anh em, họ hàng. Các thế hệ tổ tiên được thờ cúng rất

nhieu, có thể lên đến 5 thế hệ. Người Thái không làm giỗ nên việc thờ cúng tổ tiên chỉ diễn ra vào dịp lễ, tết hoặc khi gia đình có một công việc nào đó như đám cưới, đám ma, ốm đau, dịch bệnh. Gia chủ thường cầu khẩn tổ tiên phù hộ cho gia đình sức khoẻ, mọi công việc suôn sẻ.

Đối với những người làm nghề thuốc thì việc thờ cúng tổ tiên cũng chính là thờ cúng tổ sư nghề thuốc của mình. Ngoài những dịp cúng như kể trên thì thầy thuốc phải cúng khi có người đến xin thuốc, khi đi lấy thuốc cho người bệnh, khi người khỏi bệnh đến tạ ơn, khi truyền nghề cho ai đó, v.v... để trình báo với tổ tiên và mong được phù hộ mọi việc tốt lành.

Các thầy lang tin rằng nếu trước khi đi lấy thuốc mà không cúng tổ tiên thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi đi lấy thuốc, thậm chí không thể tìm được cây thuốc cần dùng.

Sau khi người bệnh được chữa khỏi thì phải đến tạ ơn tổ sư nghề thuốc. Lễ vật mà người bệnh mang đến tùy thuộc vào lòng thành cũng như hoàn cảnh kinh tế của họ. Nếu người bệnh quá nghèo, không thể sắm lễ vật thì họ phải đến nhà trình bày hoàn cảnh với thầy lang để thầy tự làm lễ tạ ơn tổ sư nghề thuốc của mình. Không làm thì gia đình thầy lang sẽ có người ốm hoặc thầy lấy thuốc sẽ không hiệu nghiệm nữa, còn người bệnh có thể bị tái phát và bệnh sẽ nặng hơn trước, rất khó chữa trị. Trong trường hợp người bệnh không tạ lễ thì gia đình thầy lang vẫn phải làm lễ, nhưng lúc này mọi tài hoạ nếu xảy ra thì cũng chỉ vào nhà người bệnh.

Thông thường, sau khi được thầy thuốc chữa khỏi bệnh thì phải có lễ cho thầy để cúng tạ ơn để ma thuốc:

+ Bệnh bình thường thì sau khi khỏi bệnh tùy vào khả năng kinh tế của gia đình để tạ ơn cho thầy.

+ Bệnh tương đối nặng thì phải có lễ vật gồm: quần áo mới để tạ ơn thầy, quần áo của người ốm ma thuốc nhận biết, 1 con gà, 1 chai rượu, trâu cau, tiền.

+ Bệnh nặng thì phải có lễ vật gồm: quần áo mới để tạ ơn thầy, quần áo của người ốm ma thuốc nhận biết, 1 con lợn, 1 chai rượu, trâu cau, tiền.

Số tiền bệnh nhân trả cho thầy tùy theo hoàn cảnh kinh tế của gia đình. Thông thường từ 20.000đ đến 50.000đ.

Người bị bệnh nặng mà được thầy chữa khỏi sẽ đem áo của mình gửi linh hồn nhờ thầy trông coi, bảo vệ. Những người ốm đau được ông thầy cúng khỏi, trở thành con nuôi của thầy cúng, gọi là “con mày”⁽⁴⁾. Các cặp vợ chồng cưới nhau lâu ngày nhưng chưa có con, họ cũng đến nhờ thầy cúng làm lễ sinh con. Đứa con sinh ra sau này cũng được coi là “con mày” của thầy cúng. Các “con mày” này luôn có quan hệ mang tính “hàm ơn” đối với thầy cúng đã chữa bệnh cho mình và họ luôn có trách nhiệm tham gia, giúp đỡ thầy cúng và gia đình trong những dịp đặc biệt, nhất là dịp lễ tạ ơn phi tổ sư, tạ ơn các vị thần linh của thầy cúng. Thầy cúng càng có uy tín lớn, con nuôi càng đông đảo và thu hút hàng trăm người dân khác đến dự, khiến lễ cúng tạ ơn đã trở thành lễ hội của một vùng⁽⁵⁾. Nghiên cứu của tác giả R.Robert ở người Tày Đèo (nay thuộc hai xã Yên

4. Người Thái ở Tây Bắc gọi là “Lục liêng”. Xem thêm: Võ Thị Thường. “Lễ “Cha chiêng” của người Thái Mai Châu, Hòa Bình”, in trong: Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 583 - 595; Hoàng Lương. Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2002.

5. Lễ hội này có nhiều tên gọi theo từng địa phương và từng nhóm Thái. Người Thái Đen ở Thuận Châu (tỉnh Sơn La) gọi là “Xên lấu nó” (cúng rượu mường); người Thái Trắng ở Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) gọi là “Kin pang then” hay “Xên pang then” (hội lễ thần); người Thái ở Mai Châu (tỉnh Hòa Bình), Mường Lát, Quan Hóa (tỉnh Thanh Hóa) gọi là “Cha chiêng”; người Thái ở Thường Xuân (tỉnh Thanh Hóa) gọi là “Cá sa”; người Thái ở Lang Chánh, Bá Thước (tỉnh Thanh Hóa) gọi là “Kin chiêng boóc mạy”; người Thái ở Như Thanh (tỉnh Thanh Hóa) gọi là “Lâm chá Kin chiêng boóc mạy”; người Thái ở Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp (tỉnh Nghệ An) gọi là “Xăng Khan”.

Thắng và Yên Khương, huyện Lang Chánh) cho biết có các lễ sau: khai xi (mâm bốn), khai pết (mâm tám), khai xip xoong (mâm mười hai)⁽⁶⁾.

3. Phòng bệnh bằng tín ngưỡng

3.1. *Xên mường* (cúng mường)

Đây là lễ hội cầu phúc của mường. Mục đích chính là cúng trời đất cầu mong thời tiết thuận hòa, mùa màng tốt tươi, dân mường khoẻ mạnh, cuộc sống an bình. ở mường Chiếng Ván (thuộc huyện Thường Xuân), lễ hội này có tên là "sớ pa" (thờ trời). Lễ hội được tổ chức 1 năm 1 lần vào giữa tháng 9 âm lịch, lúc thời tiết mát mẻ, lúa mùa đang thì con gái. Lễ vật cúng đều do nhân dân đóng góp. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, mường Chiếng Ván được chia thành 19 poọng (đơn vị hành chính nhỏ hơn mường, lớn hơn bản) và mỗi năm có một poọng đứng ra chịu trách nhiệm chính trong việc đóng góp lễ vật, nhân lực, tổ chức lễ hội. Các poọng luân phiên tổ chức theo sự chỉ định của ông mo mường, riêng poọng chiềng (trung tâm) không phải đóng góp bắt buộc, chỉ tham gia với tư cách là người dân của trung tâm mường, góp phần vào thành công của buổi lễ.

Cùng với phần lễ là phần hội, với các trò chơi dân gian như "khến co" (kéo co), "táp xạc" (nhảy sạp), "giơ cón" (tung còn), hát đối đáp của thanh niên nam nữ, v.v... Chính không khí trang nghiêm của phần lễ, sự nhộn nhịp của các trò diễn dân gian và bữa ăn cộng cảm trong lễ hội đã tạo một không khí vui tươi, tinh thần đoàn kết và niềm tin trong cuộc sống của người dân.

3.2. *Xên bản* (cúng bản)

Đây là lễ hội cầu phúc của bản được tổ chức 1 năm 1 lần vào lúc nông nhàn, thường vào mùa xuân. Lễ vật cúng trong ngày "xên bản" do các gia đình trong bản có nghĩa vụ đóng góp như nhau về tiền, gà, vịt, rượu, gạo và ngày công lao động. Trưởng bản là người đứng ra thu gom các lễ vật đó và quyết định các công việc của buổi lễ.

Lễ "xên bản" cũng có phần lễ và phần hội. Phần hội tổ chức các trò chơi dân gian rất vui vẻ. Mục đích chính của "xên bản" là cúng các thổ thần, cúng ông tổ lập nên bản và cầu mong cho dân bản được bình an, ấm no, gia đình hòa thuận, vui vẻ.

3.3. *Xên hươn* (cúng nhà)

Lễ cúng nhà của người Thái thường được tổ chức vào dịp Tết. Lễ vật chính là của gia đình trưởng tộc, ngoài ra còn có sự đóng góp của các thành viên khác là anh em trai trong dòng họ. Mục đích chính là cầu mong tổ tiên, thổ công, các vị thần linh phù hộ cho gia đình mạnh khoẻ, làm ăn phát đạt, vợ chồng thuận hòa, anh em đoàn kết.

Thông thường, với gia đình lớn, đông con cháu phải chuẩn bị như sau:

- Mâm lễ cúng tổ tiên với các lễ vật: thịt lợn, gà, cá nướng, cá canh, hò mọc, các loại bánh (bánh ít, bánh nếp), rượu, trầu cau.

- Mâm lễ cúng thần chăn trâu được đặt cạnh mâm cúng tổ tiên, với lễ vật tương tự, chỉ khác là không có thịt gà vì người dân quan niệm trước kia các vị thần không được ăn thịt gà nên nay không cúng gà. Nhưng mâm lễ này còn có các vật liên quan đến việc chăn trâu như nón, gậy, quần áo và bộ nấp - dao.

- Mâm lễ cúng thần bếp được đặt ngay trên bếp chính ở gian trong của ngôi nhà. Mâm lễ này cũng không có gà.

- Mâm lễ cúng thổ công giống mâm lễ cúng thần bếp, được đặt trong lán thờ sau nhà. Người Thái quan niệm thổ công là thần linh trông coi đất đai nên phải thờ ngoài vườn, còn ma nhà trông coi phần việc trong nhà nên con cháu phải thờ trong nhà. Nếu đặt bàn thờ thổ công trong nhà thì thổ công và ma nhà có thể "xích mích", lúc đó con cháu sẽ ốm đau.

6. R. Robert. *Notes sur les Tay Dèng de Lang Chánh (Thanh Hóa - Annam)*, HaNoi, Imprimerie d' Extrême Orient, 1941, p 68.

vật nuôi chết chóc, làm ăn thất bát, v.v... phải cầu cúng rất vất vả tốn kém.

Điều đáng chú ý là trong lễ này người ta còn treo hai cái bánh chưng lên các dụng cụ như chài lưới, cày bừa, khung dệt, đôi sừng trâu, v.v... với mục đích dâng cúng linh hồn các vật đó để cảm ơn chúng đã giúp con người một năm làm ăn thuận lợi, cầu mong linh hồn chúng sang năm mới tiếp tục giúp đỡ con người.

3.4. Lễ cúng ngày “cầm khem” (22 tháng 8 âm lịch)

Vào tháng 8 âm lịch, mặc dù đang trong mùa mưa nhưng nếu các cơn mưa không còn kèm theo tiếng sấm thì người Thái ở vùng Xuân Lạ, Vạn Xuân (huyện Thường Xuân) cho rằng ông “thần”⁽⁷⁾ đã bị ốm. Do vậy, vào ngày 22 tháng 8 âm lịch, người Thái ở vùng này làm lễ đưa tiễn hồn ma tổ tiên lên trời để thăm hỏi ông trời (thần phạ).

Sáng ngày 22 tháng 8 âm lịch, các gia đình chuẩn bị lễ vật: thịt lợn, thịt gà, canh cá, hồ mọc, xôi, rượu, trâu cau, muối ớt, v.v... để cúng ở bàn thờ tổ tiên. Thông thường, chủ nhà tự cúng, đại ý: “Hôm nay là ngày kiêng khem, con cháu làm mâm lễ có cỗ xôi, con gà, mời tổ tiên và các thần linh về ăn uống và chứng giám cho lòng hiếu thảo của con cháu. Các vị lên trời báo tin cho “thần phạ” biết cuộc sống của gia đình, làng bản và cầu mong “thần phạ” khỏi ốm để năm sau phù hộ cho gia đình, làng bản có nguồn nước để cấy cày, mùa màng tốt tươi, nhà nhà no ấm, mọi người khoẻ mạnh...”. Chỉ hồn ma tổ tiên là đàn ông mới được lên trời, còn hồn ma đàn bà được mời về ăn uống và chứng giám sự kiện này.

Theo phong tục tập quán, trong 2 ngày tiếp theo (23 và 24 tháng 8 âm lịch), không ai được làm bất cứ công việc gì gây ồn ào, náo động, nhất là các công việc nặng: đi săn, chặt cây, đánh cá... (đối với nam); giã gạo... (đối với nữ) để các linh hồn đi đường không gặp bất trắc.

Ngày “cầm khem” còn được gọi là ngày Lê Lợi nên có nhà nghiên cứu cho rằng: Thường Xuân là vùng đất hiểm trở, núi non trùng điệp, gần với Lam Kinh là nơi phát tích của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Trong thời gian đầu của cuộc khởi nghĩa, Thường Xuân là địa bàn hoạt động của nghĩa quân, ở đây còn nhiều dấu tích, câu chuyện dân gian về tên sông, tên đất, tên bản... gắn với khởi nghĩa Lam Sơn và Lê Lợi. Xuất phát từ mối quan hệ gắn bó đó, lại ở gần Lam Kinh có lễ hội về Lê Lợi (ngày 21 và 22 tháng 8 âm lịch), người Thái đã gán cho ngày “cầm khem” hàng năm của mình là ngày Lê Lợi⁽⁸⁾.

3.5. Hăn bản (cầm vĩa)

Đây là một nghi lễ cúng để cầu an, cầu phúc và chữa bệnh còn rất phổ biến trong giai đoạn hiện nay. Lễ “hăn bản” có thể được tổ chức trong các dịp như sinh đẻ, hôn nhân, mừng thọ, tang lễ, v.v... hoặc được tổ chức khi người thân lâu ngày gặp nhau, khi đón khách quý. Trong buổi lễ, sau nghi thức cúng, người ta sẽ buộc chỉ (hoặc sợi dây gai) vào cổ tay của người được cầm vĩa để giữ hồn vĩa ở lại với chủ, với mong muốn người đó khoẻ mạnh, gặp nhiều điều tốt lành. Không chỉ người Thái ở Việt Nam mà người Thái ở một số nước như ở Lào cũng có nghi lễ này với tên gọi “Xụ koán” (làm vĩa, buộc chỉ cổ tay) rất trang trọng.

Ngoài ra, lễ “hăn bản” còn được tổ chức khi trong gia đình có người ốm đau đã chữa bệnh bằng thuốc nhưng không khỏi, người ta cho rằng hồn vĩa người đó bị ma “bắt” nên phải cúng. Đây là lễ “hăn bản” tiêu biểu, điển hình nhất của người Thái

7. Thần (hay then) là vị thần tối cao trong hệ thống thần linh của người Thái ở Mường Trời.

8. Lê Huy Dũng, *Tín ngưỡng dân gian của người Thái ở huyện Thường Xuân - Thanh Hóa*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân ngành Dân tộc học, khoa Lịch sử, trường Đại học KHXH & NV Hà Nội, 2000, tr. 46 - 47.

(chúng tôi sẽ trình bày cụ thể ở phần cúng chữa bệnh).

4. Chữa bệnh bằng ma thuật

4.1. *Kết hợp ma thuật và dùng thuốc*

Trong việc phòng và chữa bệnh của người Thái thì chữa bệnh bằng thuốc (đông y, tây y hoặc cả hai) và chữa bệnh bằng ma thuật là hai hình thức gắn bó chặt chẽ với nhau. Đối với những bệnh nhẹ và bệnh thông thường dễ chữa thì người dân sử dụng thuốc là chủ yếu và vị thế của người thầy thuốc sẽ cao hơn người thầy cúng. Đối với những bệnh nặng thì người ta kết hợp song song hai hình thức sử dụng thuốc và cúng chữa bệnh, nếu bệnh nhân khỏi bệnh thì niềm tin vào ma thuật lớn hơn niềm tin vào thuốc, điều đó đồng nghĩa với việc vị thế của người thầy cúng sẽ cao hơn người thầy thuốc. Có thể nói sự kết hợp giữa chữa bệnh bằng thuốc và chữa bệnh bằng ma thuật là một hiện tượng tương đối phổ biến trong đời sống của người Thái ở miền núi Thanh Hóa. Mặc dù về bản chất hai cách thức chữa bệnh này khác nhau nhưng trong nhiều trường hợp chúng có mối quan hệ đan xen nhau, trong chữa bệnh bằng thuốc có yếu tố ma thuật và ngược lại, trong chữa bệnh bằng ma thuật có yếu tố thuốc. Về vấn đề này, Giáo sư X.A. Tôcarev đã có những phân tích khá thú vị: nếu gạt ra một bên những yếu tố của đạo phù thủy thì việc chữa bệnh bằng phù phép vẫn được duy trì từ các dân tộc lạc hậu nhất tới các dân tộc văn minh nhất. Mối liên hệ giữa y học dân gian và ma thuật đã hình thành từ lâu đời. Hình thức tôn giáo chữa bệnh bằng phù phép là một phức hợp đặc biệt các yếu tố sau đây: trong công xã xuất hiện những người chuyên môn có hiểu biết về các phương thuốc y học dân gian; những phương thuốc đó kết hợp với các phương thức ma thuật chữa bệnh và thần chú. Thực chất đó là sự kết hợp giữa các tri thức y học sơ khai với lễ nghi tôn giáo nhằm tác động tới thể chất và tâm lý trong quá trình chữa bệnh⁽⁹⁾.

Trong các năm 2006 và 2007, tôi đã tiến hành khảo sát tại hai xã Yên Khương (huyện Lang Chánh) và xã Xuân Lẹ (huyện Thường Xuân) về số lượng, sự phân bố, tỉ lệ giới tính của thầy thuốc và thầy cúng. Tổng số thầy thuốc của hai xã là 16 người và tổng số thầy cúng là 31 người.

Thầy thuốc: xã Yên Khương có 14 người, xã Xuân Lẹ có 2 người; xã Yên Khương có 13 bản thì 10 bản có thầy thuốc, 3 bản không có thầy thuốc; xã Xuân Lẹ có 9 bản thì 2 bản có thầy thuốc, 7 bản không có thầy thuốc; xã Yên Khương có 14 thầy thuốc thì có 13 thầy thuốc là nam, 1 thầy thuốc nữ; xã Xuân Lẹ có 2 thầy thuốc thì có 1 thầy thuốc nam, 1 thầy thuốc nữ. (Xem bảng)

Thầy cúng: xã Yên Khương có 11 người, xã Xuân Lẹ có 20 người; xã Yên Khương có 13 bản thì 7 bản có thầy cúng, 6 bản không có thầy cúng; xã Xuân Lẹ có 9 bản thì 8 bản có thầy cúng, 1 bản không có thầy cúng; xã Yên Khương có 11 thầy cúng thì tất cả đều là nam; xã Xuân Lẹ có 20 thầy cúng thì có 15 thầy thuốc cúng nam, 5 thầy thuốc cúng nữ.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy một số bệnh thường được người Thái ở miền núi Thanh Hóa kết hợp chữa bằng ma thuật và dùng thuốc là:

- *Chữa một số bệnh thông thường*

Một người nào đó bị đau bụng thắt từng cơn sẽ được uống một vài loại thuốc nam để chữa trị, nhưng bệnh không khỏi mà có thể còn đau hơn. Dân gian cho rằng người đó đã bị “ma bóp”, có thể bị ông mo hay bà tà dùng thủ thuật làm hại hoặc bị ma hại. Lúc đó người nhà sẽ đem lễ vật (trầu, cau, rượu, tiền...) và đưa người bệnh đến nhà ông mo để nhờ chữa trị. Người bệnh nằm trên giường.

9. Xem thêm: Chương 3: *Chữa bệnh bằng phù phép*, in trong: X.A. Tôcarev. *Các hình thái tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

Bảng 1: Số lượng, sự phân bố và giới tính thầy thuốc và thầy cúng

TT	Tên bản	Thầy thuốc nam			Thầy cúng		
		Số người	Nam	Nữ	Số người	Nam	Nữ
1	Xã Yên Khương						
	1. Bản Bôn	1	1	-	-	-	-
	2. Bản Xắng	-	-	-	-	-	-
	3. Bản Hằng	1	1	-	1	1	-
	4. Bản Khon	-	-	-	-	-	-
	5. Bản Muống	1	1	-	-	-	-
	6. Bản Yên Phong	2	2	-	4	4	-
	7. Bản Yên Lập	1	1	-	-	-	-
	8. Bản Tứ Chiếng	2	2	-	1	1	-
	9. Bản Xã	-	-	-	-	-	-
	10. Bản Mè	2	2	-	1	1	-
	11. Bản Giàng	1	1	-	2	2	-
	12. Bản Nậm Đanh	2	1	1	1	1	-
	13. Bản Chi Lý	1	1	-	1	1	-
Cộng Yên Khương	14	13	1	11	11	-	
2	Xã Xuân Lệ						
	1. Xuân Ngụ	-	-	-	2	2	-
	2. Lệ Tà	-	-	-	3	2	1
	3. Xuân Sơn	1	-	1	2	2	-
	4. Liên Sơn	1	1	-	5	3	2
	5. Bọng Năng	-	-	-	2	1	1
	6. Đuông Bai	-	-	-	-	-	-
	7. Bàn Tạn	-	-	-	3	3	-
	8. Cộc Chẻ	-	-	-	1	1	-
	9. Chòn Dài	-	-	-	2	1	1
	Cộng Xuân Lệ	2	1	1	20	15	5
Tổng cộng hai xã:	16	14	2	31	26	5	

Nguồn: *Điều tra thực địa của tác giả, tháng 8 - 2006*

bên cạnh đặt một bát nước lã. Ông mo lấy một cục than hồng trên bếp lửa thả vào bát nước rồi dùng thanh kiếm đã nung đỏ ở mũi quấy đều bát nước. Thỉnh thoảng, vừa quấy ông mo lại vừa đưa bát nước lên miệng mình và lầm nhảm đọc thần chú: “cò phí đeng xen phải tọc, nắm mùng nắm pin ngược hang phụ, nắm khươn pu pin ngu ngang khót ngót khẻo đanh, mịt xè đanh tành toong, pi póc kem lén mư cun lai ta, bác bài ha cháu, mù kha lất” (than đỏ lửa chúng ta quấy nó ra tàn, tàn tinh lửa đưa ra tứ phía, lời tôi nói giống luông (rồng) nổi lên mặt nước, lời tôi nói là giết là chém, có thể cứu được những con rết độc nhất, gương tôi thò vào bụng

ma bóp sợ phải chạy lên trời, ma bóp hại người phải lộ nguyên hình, ta nói có văn tự). Đọc xong bài thần chú ông mo đưa bát nước cho người bệnh uống 3 ngụm, sau đó đặt úp chiếc bát bên cạnh người bệnh.

Để chữa bệnh cho người bị mụn nhọt, người làm phép dùng một cây sáo ong thấp sáng và đọc lời chú rồi ngậm cây nến đang cháy thổi vào chỗ mụn nhọt 3 lần; để chữa bệnh cho người bị đau mắt, người làm phép lấy 3 củ gừng, đọc lời chú rồi thổi nhẹ vào mắt người bị đau; với người bị sốt rét, người ta lấy vối vẽ hình nhân lên áo của người ốm và đọc lời chú, làm như vậy 3 lần trong 3 ngày gọi là “hải bả”, đến ngày thứ 3 lấy rơm bó lại thành

hình nhân và đem bỏ ở ngã 3 đường gọi là “xằng bả” (tiền cơn sốt); để chữa bệnh cho người bị đau đầu, người ta lấy khăn ướt đọc lời chú rồi đem đắp vào trán của người ốm gọi là “cọp hủa”, v.v...

- *Chữa hóc xương*

Khi một người bị hóc xương cá hay xương gà, người ta quan niệm đã bị ma làm hại nên phải dùng phép thuật để chữa trị. Trường hợp này thường mời thầy mo đến nhà để chữa trị. Người bị hóc xương nằm hoặc ngồi trên giường. Thầy mo cầm một bát nước lã phù chú vào đó và khấn: “cang pả khổ con, pa khinh mươn tử còn khòn mờ nờ, chớ hắc mù xà lá” (xương cá khu đau thủ, cá mươn “pa khinh” cho uống nước thần là xuống bụng, bằng không thì nôn ra ngoài). Khấn xong, thầy mo đưa bát nước cho bệnh nhân uống 3 hớp, số nước còn lại đổ bỏ và úp bát xuống sàn nhà.

● - *Chữa đứt tay, chân*

Một người bị đứt tay, chân thì họ sẽ tìm một loại lá nào đó, tốt nhất là “dá xua pan” (cỏ cứt lợn), hái một nắm cho vào miệng nhai kĩ. Sau đó một tay cầm dao, một tay cầm nắm thuốc dặt lên ngang ngực và khấn: “bây giéc nhoong hít, khoai bơ sai hơ hít trạng hủ mắm khoan lệ hơ cắt xê lướit, hơ lướit xê răng, kho hợng péng, cờ đánh nhọng pun” (lối đứt như miệng trâu, lối đau như miệng voi, ta nói lời này phải cầm máu, chỗ đứt phải khô như bánh, quánh như vôi). Khấn xong đắp nắm thuốc vào chỗ tay, chân bị đứt.

4.2. *Cúng chữa bệnh*

- *Chấn bệnh*

+ *Dượng* (thầy bói bình thường trong bản, chủ yếu là đàn bà)

Khi có người ốm thì gia đình cử người cầm áo của bệnh nhân đến nhà “dượng” cùng với lễ vật là 5 miếng trầu, 5 miếng cau. Trình bày: “ở nhà có người ốm đã chữa thuốc mãi nhưng không khỏi, nay đem áo cùng lễ vật, nhờ thầy dò giúp xem ma gì

quấy rối, để gia đình biết là lễ cầu xin các ma phù hộ, đừng làm hại người ốm...”

“Dượng” ở xã Yên Khương (huyện Lang Chánh) chẩn bệnh như sau: đặt trầu cau vào đĩa, cuộn áo của người ốm, hai tay cầm áo đưa ra trước mặt mình hoặc treo ở gác bếp, khẩn gọi các loại ma về ăn trầu với mình và hỏi ma nào cắn vĩa của chủ áo thì cho áo đung đưa từ 3 đến 5 lần. Nếu “dượng” gọi được thì bệnh khỏi; nếu không gọi được, bệnh không khỏi thì gia đình phải mời thầy khác “cao tay hơn” để tiếp tục hành lễ.

+ *Cược xay* (đây là loại thầy bói bậc trung trong bản)

Gia đình có người ốm mời thầy đến nhà mình hoặc đem lễ vật là trầu cau cùng áo của người ốm đến nhà “cược xay” để nhờ bói về nguyên nhân của ốm đau, bệnh tật.

“Cược xay” ở xã Yên Khương (huyện Lang Chánh) có hai cách chẩn bệnh:

* *Chẩn bệnh bằng trứng:*

Đặt áo của người bệnh xuống chiếu, bên cạnh đặt 2 quả trứng (1 quả trứng sống, 1 quả luộc chín), 1 đĩa trầu, 1 cây nến (hoặc đèn), 1 chai rượu, 2 chén nhỏ, 1 thanh gươm và một ít tiền.

Cược xay gọi tất cả các loại ma đến ăn trầu để hỏi từng loại ma, nếu ma làm cho người bị ốm thì đánh dấu vào quả trứng theo thứ tự từ phải sang trái. Sau đó “cược xay” bỏ đôi 2 quả trứng để xem dấu vết và căn cứ vào đó để chẩn đoán người ốm bị ma nào làm hại.

* *Chẩn bệnh bằng dũa:*

Đặt lễ vật cùng áo của người bệnh xuống chiếu, đặt 10 đến 15 đôi dũa lên áo người bệnh. Sau đó “Cược xay” cầm nắm dũa xoa ba lần rồi gỡ nhẹ xuống áo và khấn: “Tạo xọc tà, pha nha xèn hú tún may mo khò may tất, may xiêng châu, xửa xị mí xửa ma hà pa pe ma xu moi dù, phi pà, phi héo, đấy ế hơ chau xử nị bo?” (Tạo chủ trăm nghìn mắt, chủ trăm nghìn tai, xin được đoán cây bị chặt, đoán

chủ áo dài chiếc áo này, tất cả những gì đoán được xin thần chủ cho biết các thần linh: thần xứ trời, ma núi, ma rừng, ma nghĩa địa, có thể cho chủ nhân chiếc áo này nhận biết được không?). Đọc xong, “cực xay” chia số dũa thành ba phần ngẫu nhiên không đều nhau kẹp vào kẽ các ngón tay của bàn tay trái, trừ kẽ tay ngón cái và ngón trỏ. Dùng tay phải rút từng đôi dũa, khi còn lại một hoặc hai chiếc dũa thì dừng lại và chuyển dũa sang các kẽ tay tương ứng của bàn tay phải. Những chiếc dũa rút ra đều được đặt lên áo. Sau đó lại nhặt dũa lên kẹp vào các kẽ ngón tay trái và làm lại từ đầu. Cứ như vậy thầy gọi các loại ma để hỏi ma nào làm hại và chỉ dừng khi có câu trả lời. Câu hỏi về ma nào nếu số dũa trên tay là một số chẵn thì có nghĩa là “không phải”, nếu là số lẻ nghĩa là “có”⁽¹⁰⁾.

Trong nhiều trường hợp bệnh nặng, ốm đau lâu ngày thì gia đình có người ốm phải nhờ từ 2 đến 3 ông “cực xay” khác để nhờ chẩn bệnh, nếu trùng kết quả thì mời mo đến để tiến hành lễ cúng.

- *Chữa bệnh*⁽¹¹⁾

+ *Xia khoãn* (lạc vía)

Khi một người nào đó ốm đau hoặc gặp phải một tai nạn trên rừng, trên đường, ở sông, v.v... có biểu hiện mệt mỏi, sợ sệt, đêm ngủ hay nói mê thì có thể được coi là bị lạc vía. Lúc này gia đình sẽ mời thầy mo về để tiến hành lễ gọi vía.

Người ta lấy một cái áo của người bệnh kèm 1 gói cơm và 1 gói muối bỏ vào “dăng” (gùi nhỏ). Thầy mo cầm chiếc dang và một que củi đang cháy đi ra bên nước hoặc gò đồi cao để gọi vía: “Xam xip mình khoản khấu cấu hơi mình khoản ngau du cà lơ phăng pạc ngoác phăng xiêng pạc mo thấu mà chiêng xiêng cầm khọ mo mừng mà loong” (30 hôn hôn, 900 bóng hôn (của “chầu xửa” (chủ áo) ở đâu nghe tiếng thầy mo thì về với áo). Sau đó thầy mo nói lí do mất vía do gặp thú rừng, bị ngã trên rừng, dưới sông hay

một nơi nào khác và bây giờ thầy đang đại diện cho gia đình đi gọi, vía đi theo bóng lửa đang cháy ở que củi trên tay thầy mo để về. Tay trái thầy mo cầm que củi, tay phải cầm áo xoay 3 vòng trên đầu, miệng thầy mo hú 3 lần.

Khi về đến chân cầu thang của nhà người bệnh, thầy mo cầm que củi, xoay áo hú 3 lần và nói: “chầu xửa hiếc dê ma ha khoãn lệ tẩu toóc ma dáo xáu mươn, ma hót hươn xáu ken, ma khỏn lăm cháu mưa lục, pục lăm hươn mưa tươn, ma khay tú au lan giảng, khay tàng au len mưa” (chủ áo đã gọi về, về đến nhà mời ông ma nhà ra mở cửa đón cháu về nhà). Thầy mo bước lên cầu thang đến cửa hồi vọng vào nhà: “ma vía đã về chưa”? Người trong nhà trả lời: “ma vía đã về rồi”.

Trong nhà trải sẵn một chiếc chiếu có một đĩa trâu, thầy mo đặt chiếc “dăng”, áo xuống chiếu và nói: “chầu xửa” (chủ áo) ngồi chờ ở đây, gia đình đang làm cơm để “háng khoãn” (cầm vía). Thầy đem que củi vào bếp và nói: “Khón sáu bộ hủ hạ nhà pay, ký phay bỏ hủ quá nhà quá” (Bếp không biết chạy thì ma vía đừng chạy).

Gia đình chuẩn bị một mâm cúng gồm 4 bát cơm, 1 đĩa thịt gà luộc, 1 đĩa trâu, 1 bát nước, 1 chai rượu, 4 cái chén. Thầy mo khăn cho vía ăn, sau đó người bệnh ngồi xuống bên cạnh mâm ăn ít nhất là 3 miếng.

Trên 2 cổ tay người bị mất vía được buộc chỉ đen. Nếu là người già bị mất vía thì con cháu phải đến lạy 2 lần; nếu là trẻ em thì mọi người trong nhà đến cầm tay.

+ *Cúng ma*⁽¹²⁾

10. Xem thêm: R. Robert. *Notes sur les Tay Dèng de Lang Chánh* (Thanh Hóa - Annam). Hà Nội. Imprimerie d' Extrême Orient, 1941, p 61 - 64.

11. Tôi sẽ trình bày các cách chữa bệnh bằng ma thuật cho phụ nữ và trẻ em trong một bài viết khác.

12. Người Thái ở miền núi Thanh Hóa không có hình thức cúng “păn pế” (chém dê) như người Thái ở Tây Bắc. Xem thêm: Nguyễn Duy Thiệu, “*Các cách chữa bệnh theo truyền thống trong cộng đồng người Thái ở vùng Tây Bắc*”, in trong *Giữ gìn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc Tây Bắc*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Tập chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2001, tr. 84.

Trong trường hợp đã được “dượng” hay “cước xay” xác định vía bị ma bắt hoặc dân đi chơi xa quên đường về thì gia đình có người ốm phải mời “mo mùn” (thầy cúng cao tay) đến cúng. Nếu không mời “dượng” và “cước xay” mà mời luôn “mo mùn” thì “mo mùn” làm luôn việc bói tìm ma của “dượng” và “cước xay”.

Mo mùn đem dụng cụ hành lễ gồm 1 cái ép (sọt nhỏ có nắp) bên trong đựng các vật sau: 4 cái chén, 8 que sắt nhỏ hình thuyền, 1 chiếc quạt giấy, 1 nậm rượu nhỏ, 1 thanh kiếm, 4 cây nến nhỏ, một ít bông.

Gia đình người ốm chuẩn bị lễ vật: Đặt mâm cúng xuống chiếu, lòng mâm trải một miếng vải hình vuông màu trắng, trên đặt 2 bát con đựng dây gạo, đặt 2 vòng tay lên trên bát gạo, trên vòng tay để 1 quả trứng ở giữa; bên cạnh đặt 1 áo của người ốm. Sau đó đặt một chĩnh rượu ở giữa nhà và lấy một ít rượu từ chĩnh cho vào nậm rượu của “mo mùn”.

Khi bói được ma nào làm hại thì mới sắm cơm, thịt và lễ vật để cúng vì mỗi loại ma có một sở thích và đồ lễ riêng. Có loại ma thích thịt gà, có loại thích thịt chó, có loại thích thịt lợn, có loại thích thịt vịt, có loại ma cần cả tiền, vải, v.v...?

“Mo mùn” hỏi ma tại sao lại làm cho người ốm? Khi ma thừa nhận thì mời ăn

uống, cho quà và dùng lời lẽ để thuyết phục, hòa giải, thậm chí còn nịnh ma. đại ý: ma đi mây về gió, đã được ăn, uống, đã nhận quà rồi thì đừng làm cho người ta ốm nữa. Nếu ma nghe theo lời “mo mùn” thì buổi cúng kết thúc, con bệnh sẽ khỏi; ma không nghe lời mà cứ cố tình gây bệnh thì “mo mùn” sẽ sai “quân lính” của mình đuổi ma đi, đón vía về. Trong trường hợp “quân lính” của “mo mùn” chiến thắng thì buổi cúng cũng kết thúc, còn “quân lính” của “mo mùn” thua trận thì gia đình phải mời “mo” khác “cao tay” hơn để tiếp tục cúng.

Nếu cả bản bị ốm hoặc dịch bệnh thì mời mo mùn đến cúng. Lễ vật gồm 2 con lợn, 2 con gà, 1 con vịt, trâu cau, rượu, tiền; mỗi nhà góp một sợi vải đỏ tượng trưng cho vía của nhà mình.

Tóm lại, cho đến hiện nay người Thái vẫn duy trì nhiều cách chữa bệnh truyền thống của mình, trong đó có cách chữa bệnh bằng nghi lễ. Những quan niệm và các tập quán như vừa nói là các yếu tố tạo nên bản sắc văn hóa của tộc người, trong đó có những phần là mê tín, nhưng cũng có rất nhiều nội dung còn rất hữu ích cho cuộc sống của cộng đồng. Do đó, cần phải nghiên cứu đầy đủ để có cái nhìn và những đánh giá khách quan, đúng đắn./